

Bản án số: 284/2023/HS-PT

Ngày: 28-8-2023

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Công Huân

Các Thẩm phán: 1. Ông Phạm Viết Hùng

2. Ông Vũ Hoài Nam

Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Kiều Trang – Thư ký Tòa án nhân dân
Thành phố Hồ Chí Minh

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia
phiên tòa:*** Ông Trần Thanh Khánh - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án Hình sự phúc thẩm thụ lý số: 249/2023/TLPT-HS ngày 19 tháng 7 năm 2023 đối với bị cáo Trương Thiên H, do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 19/2023/HSST ngày 27-02-2023 của Tòa án nhân dân Quận Q, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị cáo có kháng cáo:

Trương Thiên H; Tên gọi khác: Hùng X; Sinh năm: 1967, tại: Sài Gòn (nay là Thành phố Hồ Chí Minh); Hộ khẩu thường trú: Số 163/8 LND, Phường J, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh; Chỗ ở: Nhà không số, tổ 1, ấp H, xã XTT, huyện HM, Thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: Làm công; Trình độ học vấn: 9/12; Giới tính: Nam; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Con ông: Trương Thiên S và bà: Lý Thị T; Vợ, con: Chung sống như vợ chồng với Nguyễn Thị D, sinh năm: 1981, từ cuối năm 1997 và có 01 con chung, sinh năm: 1998, đến cuối năm 1998 hai bên tự chia tay. Năm 2011 chung sống như vợ chồng với Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm: 1975 và có 01 con chung, sinh năm: 2013 (bị cáo khai tại phiên tòa); Tiền án: Không; Tiền sự: Không;

- Nhân thân:

+ Ngày 09/01/1991, bị Tòa án nhân dân Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 09 tháng tù, về tội “Trộm cắp tài sản xã hội chủ nghĩa”, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 15 tháng, tính từ ngày án có hiệu lực pháp luật, tại Bản án hình sự sơ thẩm số 06/HSST. Qua xác minh, không tìm thấy hồ sơ, tài liệu liên quan đến việc chấp hành bản án nêu trên.

+ Ngày 09/8/1999, bị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 13 năm tù, về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” tại Bản án hình sự sơ thẩm số 1646/HSST, bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Tại Bản án hình sự phúc thẩm số 651/HSPT ngày 14/4/2000 của Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm và tuyên bác kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Đến ngày 26/12/2008, bị cáo chấp hành xong toàn bộ bản án;

Bị cáo tại ngoại - Có mặt.

Ngoài ra trong vụ án còn có Bị hại, không kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị, nên không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 19 giờ, ngày 08/11/2012, Trương Thị Kim N rủ Lương Ngọc P đến nhà Lâm Thị Kiều T (chị họ của N) tại số 41/18A LVC, Phường I, Quận Q, Thành phố Hồ Chí Minh chơi đánh bài ăn tiền. Do thua bạc, T nghi ngờ P đánh bạc gian lận, nên kể cho chồng là Trần Minh D biết.

Vào khoảng 15 giờ, ngày 13/11/2012, D đến quán cà phê (không rõ địa chỉ) trên đường NQ, Quận C gặp Trương Thiên H và Nguyễn Quang K, D kể cho H nghe việc vợ D đánh bài bị thua nhiều tiền và nghi ngờ bị đánh bài gian lận. D trao đổi, bàn bạc với H và K tìm người chuyên đánh bạc gian lận (gọi là thợ) đến nhà D cùng đánh bạc với T, N, P và M; nếu phát hiện P và M đánh bạc gian lận thì sẽ đe dọa lấy lại tiền mà T đã thua thì được H và K đồng ý tìm thợ cho D. H thỏa thuận số tiền chiếm đoạt được, D sẽ hưởng 1/3, còn H và đồng bọn hưởng 2/3 thì D đồng ý.

Đến khoảng 16 giờ, ngày 15/11/2012, N, P và M đến nhà T đánh bạc với hình thức đánh xì dách. Khi N, P, M và T đang đánh bạc ở lầu 1 nhà của D thì D điện thoại báo cho H. H điện thoại rủ L, B (chồng của L), Z (thợ đánh bạc, do vợ chồng B rủ) (tất cả đều không rõ lai lịch) và K (do H gọi điện thoại rủ) cùng đến công viên cầu số 2, Phường I, Quận Q, Thành phố Hồ Chí Minh gặp D. Khi tất cả gặp nhau, D phân công Z vào đánh bạc chung với P, N, M và T, những người còn lại ngồi tại công viên đợi, sau khi Z phát hiện P, M chơi bài gian lận sẽ thông báo và nhóm của H vào nhà D đe dọa buộc P và M đưa tiền. Thực hiện kế hoạch trên, D chờ Z vào nhà D cùng tham gia đánh bạc với T, N, P, M, còn H, L, B, K ngồi ở công viên cầu số 2 đợi. Chơi được vài ván, Z ném bài xuống chiếu bạc và tri hô là P, M chơi gian lận rồi điện thoại cho L. L vào nhà D yêu cầu P và M trả lại tiền thì P và M không đồng ý, nên L dùng tay đánh vào người của P và M. Lúc này, H và B vào nhà D, B đánh P buộc P và M thắng bao nhiêu tiền thì trả lại hết. Do sợ bị đánh tiếp, P lấy 5.000.000 đồng, M lấy 8.000.000 đồng bỏ ra chiếu bạc. Số tiền này, Z lấy lại một phần, còn lại B giữ. Tiếp đó, L buộc P làm giấy nợ T với số tiền 86.000.000 đồng, T can ngăn thì L bắt T ngồi

yên. L tiếp tục lục soát giỏ xách của P lấy 01 thẻ ATM ngân hàng Agribank (số tiền trong tài khoản là 65.998.450 đồng). Cùng lúc, D và K đến; nên L đưa thẻ ATM của P cho K đi rút tiền. K nói phải có mã số mới rút được tiền thì L yêu cầu P ghi mật khẩu thẻ vào tờ giấy và đưa K. K nói với P: “nếu mã số không đúng, không rút được tiền thì tội mày chết với tao”. Sau đó, K chở D đến điểm rút tiền tự động ở Quận Q, K đưa thẻ ATM của P và mật mã thẻ cho D. D dùng thẻ ATM của P rút 20.000.000 đồng rồi kêu K chở đến trụ ATM khác rút tiền tiếp. K chở D đến điểm rút tiền tự động ở Quận C, D dùng thẻ ATM của P chuyển khoản sang tài khoản thẻ ATM của D số tiền 40.000.000 đồng rồi D dùng thẻ ATM của mình rút tiếp 25.000.000 đồng. Rút tiền xong, K chở D về nhà D rồi K đi ra công viên ngồi đợi. D về nhà nói cho tất cả cùng nghe D rút được 45.000.000 đồng, còn lại 15.000.000 đồng trong thẻ ATM của D. D giữ lại chứng minh nhân dân cùng thẻ ATM của P để đảm bảo cho việc rút số tiền còn lại và để P, M, N ra về. D, T, B, L, Z và H ra công viên gặp K để chia tiền. B đưa cho D 10.000.000 đồng (tiền B lấy của P và M tại chiếu bạc). D đưa cho H 40.000.000 đồng theo tỷ lệ đã thỏa thuận. Riêng K được H chia 9.000.000 đồng.

Đến sáng ngày 16/11/2012, D dùng thẻ ATM của mình rút số tiền 15.000.000 đồng còn lại và dùng thẻ ATM của P rút tiền tiếp, nhưng bị trụ ATM nuốt thẻ. Đến khoảng 09 giờ cùng ngày, N qua nhà D xin lại giấy tờ của P thì D cho N số tiền 5.000.000 đồng (do thấy N thua nhiều tiền).

Sau khi bị D cùng đồng bọn cướp số tiền trên, P và M đến Công an Quận Q trình báo. Sau đó, toàn bộ sự việc được chuyển đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận Q để điều tra làm rõ. Điện thoại di động của Trương Thiên H, Cơ quan điều tra không thu giữ được.

Ngày 26/8/2013, Tòa án nhân dân Quận Q, Thành phố Hồ Chí Minh đã xét xử đối với Trần Minh D, Nguyễn Quang K về tội “Cướp tài sản” theo quy định tại điểm a, e khoản 2 Điều 133 Bộ luật Hình sự và xử phạt mỗi bị cáo 08 năm tù; xử phạt Trương Thị Kim N, Lương Ngọc P, Lâm Thị Kiều T và Trần Thị Thanh M về tội “Đánh bạc” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 248 Bộ luật Hình sự.

Riêng Trương Thiên H sau khi phạm tội đã bỏ trốn, bị Công an Quận Q Quyết định truy nã, đến ngày 22/6/2022, Trương Thiên H đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận Q, Thành phố Hồ Chí Minh đầu thú và nộp lại số tiền 11.000.000 đồng do phạm tội mà có.

Đối với Trương Thị Kim N khi được D cho số tiền 5.000.000 đồng thì N không biết đó là tiền do D cùng các đồng phạm đã chiếm đoạt của M và P; đồng thời, N giao nộp lại cho Cơ quan điều tra số tiền này; nên Cơ quan điều tra không xử lý đối với N.

Đối với các đối tượng L, B, Z hiện không rõ lai lịch nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận Q, Thành phố Hồ Chí Minh vẫn đang tiếp tục điều tra làm rõ và xử lý sau.

Tại Bản cáo trạng số 175/CT-VKS-Q8 ngày 28/11/2022, Viện kiểm sát nhân dân Quận Q, Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố bị cáo Trương Thiên H về tội “Cướp tài sản” theo quy định tại điểm a, điểm đ khoản 2 Điều 168 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 19/2023/HSST ngày 27-02-2023 của Tòa án nhân dân Quận Q, Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

- Căn cứ điểm a, điểm đ khoản 2 Điều 168; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 38; Điều 50 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt: Bị cáo Trương Thiên H 07 (bảy) năm 09 (chín) tháng tù, về tội “Cướp tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 06 tháng 3 năm 2023, bị cáo Trương Thiên H làm đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

* Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị cáo Trương Thiên H đã khai nhận hành vi phạm tội đúng như nội dung bản án sơ thẩm đã xét xử và giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Bị cáo không tranh luận với Đại diện Viện kiểm sát, lời nói sau cùng bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm về việc xét xử vụ án: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cũng như lời khai của bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm, xét thấy bản án sơ thẩm đã xét xử bị cáo Trương Thiên H về tội “Cướp tài sản” theo điểm a, đ khoản 2 Điều 168 Bộ luật hình sự, là có căn cứ đúng quy định của pháp luật. Khi quyết định hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, tuyên phạt bị cáo Trương Thiên H 07 năm 09 tháng tù về tội “Cướp tài sản” là tương xứng với tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo. Bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt nhưng tại cấp phúc thẩm cũng không bổ sung được tình tiết nào mới để xem xét. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Trương Thiên H, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của các bị cáo Trương Thiên H làm trong hạn luật định, nên được giải quyết, xét xử theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo:

Xét thấy lời khai của bị cáo Trương Thiên H tại phiên tòa phúc thẩm phù hợp với lời khai của Bị hại; Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác được thu thập có trong hồ sơ vụ án, qua đó đã có đủ cơ sở xác định:

Xuất phát từ động cơ tư lợi, khoảng 15 giờ, ngày 13/11/2012, Trương Thiên H cùng với Trần Minh D, Nguyễn Quang K và các đối tượng L, B, Z (không rõ địa chỉ) đã có sự bàn bạc thống nhất, phân công nhiệm vụ của từng người, xác định địa điểm, đối tượng để dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực nhằm chiếm đoạt tài sản và thỏa thuận việc chia tài sản chiếm đoạt được. Đến khoảng 16 giờ ngày 15/11/2012, tại địa chỉ số 41/18A LVC, Phường I, Quận Q, Trương Thiên H cùng các đối tượng nêu trên đã thực hiện hành vi phạm tội đúng như đã bàn bạc phân công trước đó. Bị cáo cùng đồng phạm, với số lượng đông người, đã dùng vũ lực và đe dọa dùng ngay tức khắc vũ lực làm cho các bị hại Lương Ngọc P và Trần Thị Thanh M, lâm vào tình trạng không thể chống cự được, qua đó chiếm đoạt của các bị hại số tiền 78.998.450 đồng chia nhau, Trương Thiên H được chia 11.000.000 đồng, đã tiêu xài cá nhân hết.

Với hành vi nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo Trương Thiên H về tội “Cướp tài sản” là có cơ sở, đúng quy định của pháp luật.

Đối với tội “Cướp tài sản”, theo Điều 168 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) quy định mức hình phạt cao nhất là nhẹ hơn mức hình phạt cao nhất quy định tại Điều 133 Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009). Như vậy, đối với hành vi phạm tội của bị cáo Trương Thiên H, việc áp dụng Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có lợi cho bị cáo, nên được áp dụng để xét xử đối với bị cáo Trương Thiên H, theo quy định tại Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội, hướng dẫn thực hiện các quy định có lợi cho người phạm tội được quy định tại khoản 3 Điều 7 Bộ luật hình sự năm 2015 là có căn cứ.

Xét thấy bị cáo Trương Thiên H phạm tội thuộc trường hợp “có tổ chức” và “chiếm đoạt tài sản có giá trị từ năm mươi triệu đồng đến dưới hai trăm triệu đồng”, là các tình tiết định khung hình phạt được quy định tại điểm a, điểm e khoản 2 Điều 133 Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009), tương ứng với quy định tại điểm a, điểm đ khoản 2 Điều 168 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo Trương Thiên H về tội “Cướp tài sản” theo điểm a, điểm đ khoản 2 Điều 168 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là phù hợp.

[3] Xét nội dung kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Trương Thiên H, Hội đồng xét xử nhận thấy: Bị cáo là người có nhân thân xấu, đã nhiều lần bị xét xử về các tội “Trộm cắp tài sản” và “Mua bán trái phép chất ma túy”. Bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội thuộc trường hợp có tổ chức, chứng tỏ tính

chất nguy hiểm trong hành vi phạm tội của bị cáo, là mối nguy hiểm lớn cho xã hội, sau khi phạm tội bị cáo đã bỏ trốn trong thời dài, gây khó khăn cho công tác điều tra giải quyết vụ án, nên cần phải có mức hình phạt nghiêm khắc đối với bị cáo nhằm đảm bảo tính răn đe giáo dục đối với bị cáo và công tác phòng ngừa chung trong xã hội. Mặt khác khi quyết định hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét tính chất mức độ hành vi phạm tội và vai trò của bị cáo trong vụ án và áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ như: có thái độ thành khẩn khai báo ăn năn hối cải, sau khi phạm tội mặc dù bỏ trốn nhưng sau đó bị cáo đã ra đầu thú và tự nguyện nộp lại số tiền thu lợi bất chính, theo quy định tại điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, qua đó tuyên phạt bị cáo mức án 07 năm 09 tháng tù là phù hợp. Tại cấp phúc thẩm bị cáo cũng không cung cấp được các tài liệu chứng cứ gì mới để xem xét, do đó không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trương Thiên H, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Lập luận trên đây cũng là quan điểm để Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5] Bị cáo Trương Thiên H phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Trương Thiên H. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Căn cứ điểm a, điểm đ khoản 2 Điều 168; điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 38; Điều 50 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt: Bị cáo Trương Thiên H 07 (bảy) năm 09 (chín) tháng tù, về tội “Cướp tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

[2] Bị cáo Trương Thiên H phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4] Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao; (1)
- TAND cấp cao tại TP.HCM; (1)
- VKSND TP.HCM; (3)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- VKSND Quận Q; (1)
- P.PC53 - CATP; (1)
- Bị cáo; (1)
- Thi hành án Quận Q; (1)
- TAND Quận Q; (1)
- Công an Quận Q; (1)
- UBND nơi BC cư trú; (1)
- Sở Tư pháp; (1)
- Lưu, Tòa Hình sự, hồ sơ (20) (3).

Lê Công Huân